

# 各国のベトナム語名

## ヨーロッパ諸国のベトナム語名

イギリス	Vương quốc Anh
スペイン	Tây Ban Nha
イタリア	Ý
フランス	Pháp
ドイツ	Đức
スイス	Thụy Sĩ
フィンランド	Phần Lan
オーストリア	Áo
ギリシャ	Hy Lạp
オランダ	Hà Lan
ノルウェー	Na Uy
ポーランド	Ba Lan
スウェーデン	Thụy Điển
トルコ	Thổ Nhĩ Kỳ
ウクライナ	Ukraina
ハンガリー	Hungary



[www.flashcardo.com/ja/betonamu-go-furasshu-kaado/](http://www.flashcardo.com/ja/betonamu-go-furasshu-kaado/)

## アジア諸国のベトナム語名

中国	Trung Quốc
ロシア	Nga
インド	Ấn Độ

シンガポール	Singapore
日本	Nhật Bản
韓国	Hàn Quốc
アフガニスタン	Afghanistan
アゼルバイジャン	Azerbaijan
バングラデシュ	Bangladesh
インドネシア	Indonesia
イラク	I-rắc
イラン	Iran
カタール	Qatar
マレーシア	Mã Lai
フィリピン	Philippines
サウジアラビア	Ả Rập Xê Út
タイ	Thái Lan
アラブ首長国連邦	các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất
ベトナム	Việt Nam



[www.pinhok.com/ja/betonamu-go-o-manabu/](http://www.pinhok.com/ja/betonamu-go-o-manabu/)

## 南北アメリカ諸国のベトナム語名

アメリカ合衆国	Hoa Kỳ
メキシコ	Mexico

カナダ	Canada
ブラジル	Brazil
アルゼンチン	Argentina
チリ	Chile
バハマ	Bahamas
ボリビア	Bolivia
エクアドル	Ecuador
ジャマイカ	Jamaica
コロンビア	Colombia
キューバ	Cuba
パナマ	Panama
ペルー	Peru
ウルグアイ	Uruguay
ベネズエラ	Venezuela



[www.pinhok.com/ja/betonamu-go-o-manabu/](http://www.pinhok.com/ja/betonamu-go-o-manabu/)

### アフリカ諸国のベトナム語名

南アフリカ	Nam Phi
ナイジェリア	Nigeria
モロッコ	Ma Rốc
リビア	Libya

ケニア	Kenya
アルジェリア	Algeria
エジプト	Ai Cập
エチオピア	Ethiopia
アンゴラ	Angola
ジブチ	Djibouti
コートジボワール	Bờ Biển Ngà
ガーナ	Ghana
カメルーン	Cameroon
マダガスカル	Madagascar
ナミビア	Namibia
セネガル	Sénégal
ジンバブエ	Zimbabwe
ウガンダ	Uganda

### オセアニア諸国のベトナム語名

オーストラリア	Úc
ニュージーランド	New Zealand
フィジー	Fiji
マーシャル諸島	Quần đảo Marshall
ナウル	Nauru
トンガ	Tonga